

Bình Dương, ngày 21 tháng 7 năm 2020

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 107/2020/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương xác nhận đã nhận
Bản công bố sản phẩm của:

Đơn vị: **Công ty Cổ phần Sữa VITADAIRY Việt Nam**

Địa chỉ: 99 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0983720908

Cho sản phẩm: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC COLOSBABY BIO GOLD 1+**
Nhà máy VITADAIRY Bình Dương

Do: Lô B-1B-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

- QCVN 11 – 3: 2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến đến 36 tháng tuổi.
- QCVN 8 – 1: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 2: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 3: 2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số COLOSBBBIOG1+/2020/VITADAIRYBD đính kèm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu ĐK;

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: COL0SBBBIOG1+/2020/VITADAIRY

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM

Địa chỉ: 99 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0983720908

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3702652869

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000405/2018/ATTP-CNĐK

Ngày cấp: 26/6/2018

Nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm - BYT

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức ColosBaby Bio Gold 1+

2. Thành phần:

Sữa bột, Dầu thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Sữa non ColosIgG 24h, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Whey protein, Khoáng chất (Canxi, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng, Iot, Mangan, Selen), Vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit Pantothenic, Axit Folic, Biotin, Niacin, Inositol, Choline, Taurine), DHA từ tảo, *Bifidobacterium*, 2'-Fucosyllactose (2'-FL HMO), Lactium, Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm.

Nguyên liệu sữa non ColosIgG 24h nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem dưới đáy lon/trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Chất liệu bao bì:

Lon/Túi thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

- Qui cách đóng gói:

19g; 19.1g; 23g; 34g; 42.5g; 43g; 51g;

200g; 250g; 300g; 350g; 360g; 400g;



450g; 500g; 550g; 600g; 650g; 700g;
750g; 800g; 850g; 900g; 950g; 1kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG.

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 11-3:2012/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.
- **QCVN 8-3: 2012/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- **QCVN 8-2: 2011/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- **QCVN 8-1: 2011/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số **COLOSBBBIOG1+/2020/VITADAIRYBD** đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà



TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: COLOSBBBIOG1+/2020/VITADAIRYBD

Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức ColosBaby Bio Gold 1+

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Trạng thái: Bột mịn, toi, không vón cục.

Màu sắc: Trắng đến vàng nhạt.

Mùi, vị: Mùi thơm của sữa, không có mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi vị lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị đắng, khét.

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị ghi nhãn trong 100g sản phẩm dạng bột	Tiêu chuẩn trong 100g sản phẩm dạng bột	Ghi chú
1.	Protein	g	16.6	QCVN 11-3:2012/BYT	
2.	Chất béo	g	18.5	QCVN 11-3:2012/BYT	
3.	Axit Linoleic (Omega 6)	mg	1547	QCVN 11-3:2012/BYT	
4.	Axit α -Linolenic (Omega 3)	mg	304	>212.8	
5.	Carbohydrate	g	56.9	>39.83	
6.	IgG	mg	1000	>700	
7.	Sữa non ColosIgG 24h	mg	7000	>4900	
8.	Lactium	mg	10	Dương tính	
9.	2'-FL HMO	mg	20.3	>14.21	
10.	DHA	mg	16.1	>11.27	
11.	Choline	mg	57.9	>40.53	
12.	Taurine	mg	43.3	>30.31	
13.	Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3.3	Dương tính	
14.	Lysine	mg	520	>364	
15.	Inositol	mg	13.7	>9.59	
16.	Natri	mg	115	QCVN 11-3:2012/BYT	
17.	Kali	mg	425	QCVN 11-3:2012/BYT	
18.	Canxi	mg	544	QCVN 11-3:2012/BYT	
19.	Clorid	mg	309	QCVN 11-3:2012/BYT	
20.	Photpho	mg	372	QCVN 11-3:2012/BYT	

21.	Magie	mg	80	QCVN 11-3:2012/BYT	
22.	Sắt	mg	6.8	QCVN 11-3:2012/BYT	
23.	Kẽm	mg	4.3	QCVN 11-3:2012/BYT	
24.	Đồng	µg	247	>172.9	
25.	Iot	µg	55.9	QCVN 11-3:2012/BYT	
26.	Mangan	µg	32.1	>22.47	
27.	Selen	µg	8.3	>5.81	
28.	Vitamin A	IU	1791	QCVN 11-3:2012/BYT	
29.	Vitamin D3	IU	338	QCVN 11-3:2012/BYT	
30.	Vitamin E	mg	6.2	QCVN 11-3:2012/BYT	
31.	Vitamin K1	µg	39.8	QCVN 11-3:2012/BYT	
32.	Vitamin C	mg	64.6	QCVN 11-3:2012/BYT	
33.	Vitamin B1	µg	813	QCVN 11-3:2012/BYT	
34.	Vitamin B2	µg	1215	QCVN 11-3:2012/BYT	
35.	Vitamin B6	µg	642	QCVN 11-3:2012/BYT	
36.	Vitamin B12	µg	1.8	QCVN 11-3:2012/BYT	
37.	Axit Folic	µg	96	QCVN 11-3:2012/BYT	
38.	Axit Pantothenic	µg	3749	QCVN 11-3:2012/BYT	
39.	Biotin	µg	32.9	QCVN 11-3:2012/BYT	
40.	Niacin	µg	1391	QCVN 11-3:2012/BYT	
41.	<i>Bifidobacterium</i>	cfu	10 ⁹ (*)	Dương tính	
42.	Âm	g		≤5	

(*) tại thời điểm sản xuất

2. Yêu cầu về an toàn

2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	<i>Salmonella</i>	CFU/25g	KPH
2.	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/10g	KPH
3.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
4.	<i>E.Coli</i>	CFU/g	KPH
5.	<i>Cl. Perfringens</i>	CFU/g	10
6.	<i>B.Cereus</i>	CFU/g	10
7.	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	CFU/g	10
8.	<i>L.monocytogens</i>	CFU/g	100
9.	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i>	/25g	KPH

2.2. Hàm lượng kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Cadimi	mg/kg	1
2.	Chì (tính trong 1 lít dung dịch sau khi pha tương đương 185 g sản phẩm dạng bột)	mg/ lít	0.02
3.	Thủy ngân	mg/kg	0.05
4.	Thiếc	mg/kg	250
5.	Arsen	mg/kg	0.5

2.3. Độc tố vi nấm và các chất nhiễm bẩn

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2.	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3.	Patulin	µg/kg	10
4.	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5.	Zearalenone	µg/kg	20
6.	Fumonisin	µg/kg	200
7.	Melamin	mg/kg	2.5

3. Thành phần cấu tạo:

Sữa bột, Dầu thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Sữa non ColosIgG 24h, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Whey protein, Khoáng chất (Canxi, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng, Iot, Mangan, Selen), Vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit Pantothenic, Axit Folic, Biotin, Niacin, Inositol, Choline, Taurine), DHA từ tảo, *Bifidobacterium*, 2'-Fucosyllactose (2'-FL HMO), Lactium, Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm.

Nguyên liệu sữa non ColosIgG 24h nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

4. Thời hạn sử dụng

24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem dưới đáy lon/trên bao bì.

5. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 1-2 tuổi.

6. Hướng dẫn sử dụng

Pha 5 muỗng gạt (tương đương 42.5g) với 200ml nước chín ấm (50°C) được 1 ly khoảng 230ml.

Cho trẻ uống 2-3 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của cán bộ y tế.

Chú ý: Sản phẩm sau khi pha nên sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Không cho trẻ ăn lại phần thừa của bữa trước.

7. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon/túi đã mở phải được đóng kín và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

8. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Chất liệu bao bì:

Lon/Túi thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

Quy cách đóng gói:

19g; 19.1g; 23g; 34g; 42.5g; 43g; 51g;
200g; 250g; 300g; 350g; 360g; 400g;
450g; 500g; 550g; 600g; 650g; 700g;
750g; 800g; 850g; 900g; 950g; 1kg.

9. Biện pháp phân biệt thật giả

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo của công ty và số đăng kí chất lượng.

10. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa

Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM

Địa chỉ: 99 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất tại: NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà



Khoảng 70% trẻ em Việt Nam bị thiếu hụt các vi chất dinh dưỡng thiết yếu như kẽm, sắt, vitamin A, vitamin D3, vitamin K1, vitamin C, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B6, vitamin B12, axit folic, biotin, niacin, inositol, choline, taurine, DHA, từ tảo, Bifidobacterium, 2'-Fucosyllactose (2'-FL, HMO), Lactulose, hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm. Nguyên liệu **Sữa Non ColosBaby 24h** nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH
Bộ 3 miễn dịch gồm: Kháng thể IgG tự nhiên từ **Sữa Non ColosBaby 24h**, 2'-FL HMO và lactulose. **Bifidobacterium** được bổ sung trong **ColosBaby Bio Gold** giúp bảo vệ hệ tiêu hóa và miễn dịch. **ColosBaby Bio Gold** còn chứa các vi chất dinh dưỡng thiết yếu như kẽm, sắt, vitamin A, vitamin D3, vitamin K1, vitamin C, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B6, vitamin B12, axit folic, biotin, niacin, inositol, choline, taurine, DHA, từ tảo, Bifidobacterium, 2'-Fucosyllactose (2'-FL, HMO), Lactulose, hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm. Nguyên liệu **Sữa Non ColosBaby 24h** nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

PHÁT TRIỂN THỊ LIỆT
Bổ sung DHA từ tảo, Choline, Taurine và các vi chất dinh dưỡng thiết yếu khác giúp phát triển thị lực và não bộ. **ColosBaby Bio Gold** còn chứa các vi chất dinh dưỡng thiết yếu như kẽm, sắt, vitamin A, vitamin D3, vitamin K1, vitamin C, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B6, vitamin B12, axit folic, biotin, niacin, inositol, choline, taurine, DHA, từ tảo, Bifidobacterium, 2'-Fucosyllactose (2'-FL, HMO), Lactulose, hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm. Nguyên liệu **Sữa Non ColosBaby 24h** nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

NGỦ NGON, CAO LỚN
Lactulose - Đường chất đặc biệt của quá trình thủy phân sữa giúp giảm áp lực tiêu hóa, giảm táo bón và giúp trẻ ngủ ngon. **ColosBaby Bio Gold** còn chứa các vi chất dinh dưỡng thiết yếu như kẽm, sắt, vitamin A, vitamin D3, vitamin K1, vitamin C, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B6, vitamin B12, axit folic, biotin, niacin, inositol, choline, taurine, DHA, từ tảo, Bifidobacterium, 2'-Fucosyllactose (2'-FL, HMO), Lactulose, hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm. Nguyên liệu **Sữa Non ColosBaby 24h** nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

TĂNG CÁN KHUẾ MẠNH
Định dưỡng hợp lý cung cấp đầy đủ Protein, chất béo, Vitamin và khoáng chất cần thiết cho quá trình phát triển cấu trúc và chức năng của cơ thể giúp trẻ tăng cân khỏe mạnh. **ColosBaby Bio Gold** còn chứa các vi chất dinh dưỡng thiết yếu như kẽm, sắt, vitamin A, vitamin D3, vitamin K1, vitamin C, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B6, vitamin B12, axit folic, biotin, niacin, inositol, choline, taurine, DHA, từ tảo, Bifidobacterium, 2'-Fucosyllactose (2'-FL, HMO), Lactulose, hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm. Nguyên liệu **Sữa Non ColosBaby 24h** nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG
Trẻ từ 1-2 tuổi.

CÔNG DỤNG
ColosBaby Bio Gold 1+ là sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 1-2 tuổi. Sản phẩm cung cấp năng lượng, các vi chất dinh dưỡng đặc biệt và kháng thể tự nhiên từ sữa non giúp trẻ khỏe mạnh, tiêu hóa tốt và phát triển toàn diện.

THÀNH PHẦN
Sữa bột, Dầu thực vật, Sucrose, Maltodextrin, **Sữa non ColosBaby 24h**, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Whey protein, Khô chất béo A, Vitamin D3, Sắt, Kẽm, Đồng, Iốt, Vitamin C, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit Pantothenic, Axit Folic, Biotin, Niacin, Inositol, Choline, Taurine, DHA, từ tảo, Bifidobacterium, 2'-Fucosyllactose (2'-FL, HMO), Lactulose, Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm. Nguyên liệu **Sữa Non ColosBaby 24h** nhập khẩu độc quyền từ Mỹ.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
Pha 5 muỗng gạt (tương đương 42.5g) với 200ml nước chín ấm (50°C) được 1 ly khoảng 230ml.

HƯỚNG DẪN TIẾT TRÙNG
Cho trẻ uống 2-3 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của cán bộ y tế. Chỉ vệ sinh phần sau khi pha nên sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Không cho trẻ ăn lại phần thừa của bữa trước.

CHỮ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ. Các mẹ bổ sung thêm sữa mẹ, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường ruột và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.



ColosBaby
MIỄN DỊCH KHỎE, TIÊU HÓA TỐT



THANH NHỆ VỊ TỰ NHIÊN
Cho trẻ từ 1-2 tuổi

Sản phẩm dinh dưỡng công thức

NGUYÊN LIỆU SỮA SỮA NON ColosBaby 24h

Nhập khẩu độc quyền từ Mỹ

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		NUTRITION FACTS	
Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị
Năng lượng	kcal	Energy	Units
Chất béo	g	Protein	g
Axit Linoleic (Omega 6)	g	Linoleic Acid (Omega 6)	g
Axit Linoleic (Omega 3)	g	Linoleic Acid (Omega 3)	g
Sắt	mg	Iron	mg
Vitamin A	mg	Vitamin A	mg
Vitamin B1	mg	Vitamin B1	mg
Vitamin B2	mg	Vitamin B2	mg
Vitamin B6	mg	Vitamin B6	mg
Vitamin B12	mg	Vitamin B12	mg
Vitamin C	mg	Vitamin C	mg
Vitamin E	mg	Vitamin E	mg
Vitamin K1	mg	Vitamin K1	mg
Vitamin K2	mg	Vitamin K2	mg
Vitamin D3	mg	Vitamin D3	mg
Vitamin D5	mg	Vitamin D5	mg
Vitamin D7	mg	Vitamin D7	mg
Vitamin D9	mg	Vitamin D9	mg
Vitamin D11	mg	Vitamin D11	mg
Vitamin D13	mg	Vitamin D13	mg
Vitamin D15	mg	Vitamin D15	mg
Vitamin D17	mg	Vitamin D17	mg
Vitamin D19	mg	Vitamin D19	mg
Vitamin D21	mg	Vitamin D21	mg
Vitamin D23	mg	Vitamin D23	mg
Vitamin D25	mg	Vitamin D25	mg
Vitamin D27	mg	Vitamin D27	mg
Vitamin D29	mg	Vitamin D29	mg
Vitamin D31	mg	Vitamin D31	mg
Vitamin D33	mg	Vitamin D33	mg
Vitamin D35	mg	Vitamin D35	mg
Vitamin D37	mg	Vitamin D37	mg
Vitamin D39	mg	Vitamin D39	mg
Vitamin D41	mg	Vitamin D41	mg
Vitamin D43	mg	Vitamin D43	mg
Vitamin D45	mg	Vitamin D45	mg
Vitamin D47	mg	Vitamin D47	mg
Vitamin D49	mg	Vitamin D49	mg
Vitamin D51	mg	Vitamin D51	mg
Vitamin D53	mg	Vitamin D53	mg
Vitamin D55	mg	Vitamin D55	mg
Vitamin D57	mg	Vitamin D57	mg
Vitamin D59	mg	Vitamin D59	mg
Vitamin D61	mg	Vitamin D61	mg
Vitamin D63	mg	Vitamin D63	mg
Vitamin D65	mg	Vitamin D65	mg
Vitamin D67	mg	Vitamin D67	mg
Vitamin D69	mg	Vitamin D69	mg
Vitamin D71	mg	Vitamin D71	mg
Vitamin D73	mg	Vitamin D73	mg
Vitamin D75	mg	Vitamin D75	mg
Vitamin D77	mg	Vitamin D77	mg
Vitamin D79	mg	Vitamin D79	mg
Vitamin D81	mg	Vitamin D81	mg
Vitamin D83	mg	Vitamin D83	mg
Vitamin D85	mg	Vitamin D85	mg
Vitamin D87	mg	Vitamin D87	mg
Vitamin D89	mg	Vitamin D89	mg
Vitamin D91	mg	Vitamin D91	mg
Vitamin D93	mg	Vitamin D93	mg
Vitamin D95	mg	Vitamin D95	mg
Vitamin D97	mg	Vitamin D97	mg
Vitamin D99	mg	Vitamin D99	mg
Vitamin D101	mg	Vitamin D101	mg
Vitamin D103	mg	Vitamin D103	mg
Vitamin D105	mg	Vitamin D105	mg
Vitamin D107	mg	Vitamin D107	mg
Vitamin D109	mg	Vitamin D109	mg
Vitamin D111	mg	Vitamin D111	mg
Vitamin D113	mg	Vitamin D113	mg
Vitamin D115	mg	Vitamin D115	mg
Vitamin D117	mg	Vitamin D117	mg
Vitamin D119	mg	Vitamin D119	mg
Vitamin D121	mg	Vitamin D121	mg
Vitamin D123	mg	Vitamin D123	mg
Vitamin D125	mg	Vitamin D125	mg
Vitamin D127	mg	Vitamin D127	mg
Vitamin D129	mg	Vitamin D129	mg
Vitamin D131	mg	Vitamin D131	mg
Vitamin D133	mg	Vitamin D133	mg
Vitamin D135	mg	Vitamin D135	mg
Vitamin D137	mg	Vitamin D137	mg
Vitamin D139	mg	Vitamin D139	mg
Vitamin D141	mg	Vitamin D141	mg
Vitamin D143	mg	Vitamin D143	mg
Vitamin D145	mg	Vitamin D145	mg
Vitamin D147	mg	Vitamin D147	mg
Vitamin D149	mg	Vitamin D149	mg
Vitamin D151	mg	Vitamin D151	mg
Vitamin D153	mg	Vitamin D153	mg
Vitamin D155	mg	Vitamin D155	mg
Vitamin D157	mg	Vitamin D157	mg
Vitamin D159	mg	Vitamin D159	mg
Vitamin D161	mg	Vitamin D161	mg
Vitamin D163	mg	Vitamin D163	mg
Vitamin D165	mg	Vitamin D165	mg
Vitamin D167	mg	Vitamin D167	mg
Vitamin D169	mg	Vitamin D169	mg
Vitamin D171	mg	Vitamin D171	mg
Vitamin D173	mg	Vitamin D173	mg
Vitamin D175	mg	Vitamin D175	mg
Vitamin D177	mg	Vitamin D177	mg
Vitamin D179	mg	Vitamin D179	mg
Vitamin D181	mg	Vitamin D181	mg
Vitamin D183	mg	Vitamin D183	mg
Vitamin D185	mg	Vitamin D185	mg
Vitamin D187	mg	Vitamin D187	mg
Vitamin D189	mg	Vitamin D189	mg
Vitamin D191	mg	Vitamin D191	mg
Vitamin D193	mg	Vitamin D193	mg
Vitamin D195	mg	Vitamin D195	mg
Vitamin D197	mg	Vitamin D197	mg
Vitamin D199	mg	Vitamin D199	mg
Vitamin D201	mg	Vitamin D201	mg
Vitamin D203	mg	Vitamin D203	mg
Vitamin D205	mg	Vitamin D205	mg
Vitamin D207	mg	Vitamin D207	mg
Vitamin D209	mg	Vitamin D209	mg
Vitamin D211	mg	Vitamin D211	mg
Vitamin D213	mg	Vitamin D213	mg
Vitamin D215	mg	Vitamin D215	mg
Vitamin D217	mg	Vitamin D217	mg
Vitamin D219	mg	Vitamin D219	mg
Vitamin D221	mg	Vitamin D221	mg
Vitamin D223	mg	Vitamin D223	mg
Vitamin D225	mg	Vitamin D225	mg
Vitamin D227	mg	Vitamin D227	mg
Vitamin D229	mg	Vitamin D229	mg
Vitamin D231	mg	Vitamin D231	mg
Vitamin D233	mg	Vitamin D233	mg
Vitamin D235	mg	Vitamin D235	mg
Vitamin D237	mg	Vitamin D237	mg
Vitamin D239	mg	Vitamin D239	mg
Vitamin D241	mg	Vitamin D241	mg
Vitamin D243	mg	Vitamin D243	mg
Vitamin D245	mg	Vitamin D245	mg
Vitamin D247	mg	Vitamin D247	mg
Vitamin D249	mg	Vitamin D249	mg
Vitamin D251	mg	Vitamin D251	mg
Vitamin D253	mg	Vitamin D253	mg
Vitamin D255	mg	Vitamin D255	mg
Vitamin D257	mg	Vitamin D257	mg
Vitamin D259	mg	Vitamin D259	mg
Vitamin D261	mg	Vitamin D261	mg
Vitamin D263	mg	Vitamin D263	mg
Vitamin D265	mg	Vitamin D265	mg
Vitamin D267	mg	Vitamin D267	mg
Vitamin D269	mg	Vitamin D269	mg
Vitamin D271	mg	Vitamin D271	mg
Vitamin D273	mg	Vitamin D273	mg
Vitamin D275	mg	Vitamin D275	mg
Vitamin D277	mg	Vitamin D277	mg
Vitamin D279	mg	Vitamin D279	mg
Vitamin D281	mg	Vitamin D281	mg
Vitamin D283	mg	Vitamin D283	mg
Vitamin D285	mg	Vitamin D285	mg
Vitamin D287	mg	Vitamin D287	mg
Vitamin D289	mg	Vitamin D289	mg
Vitamin D291	mg	Vitamin D291	mg
Vitamin D293	mg	Vitamin D293	mg
Vitamin D295	mg	Vitamin D295	mg
Vitamin D297	mg	Vitamin D297	mg
Vitamin D299	mg	Vitamin D299	mg
Vitamin D301	mg	Vitamin D301	mg
Vitamin D303	mg	Vitamin D303	mg
Vitamin D305	mg	Vitamin D305	mg
Vitamin D307	mg	Vitamin D307	mg
Vitamin D309	mg	Vitamin D309	mg
Vitamin D311	mg	Vitamin D311	mg
Vitamin D313	mg	Vitamin D313	mg
Vitamin D315	mg	Vitamin D315	mg
Vitamin D317	mg	Vitamin D317	mg
Vitamin D319	mg	Vitamin D319	mg
Vitamin D321	mg	Vitamin D321	mg
Vitamin D323	mg	Vitamin D323	mg
Vitamin D325	mg	Vitamin D325	mg
Vitamin D327	mg	Vitamin D327	mg
Vitamin D329	mg	Vitamin D329	mg
Vitamin D331	mg	Vitamin D331	mg
Vitamin D333	mg	Vitamin D333	mg
Vitamin D335	mg	Vitamin D335	mg
Vitamin D337	mg	Vitamin D337	mg
Vitamin D339	mg	Vitamin D339	mg
Vitamin D341	mg	Vitamin D341	mg
Vitamin D343	mg	Vitamin D343	mg
Vitamin D345	mg	Vitamin D345	mg
Vitamin D347	mg	Vitamin D347	mg
Vitamin D349	mg	Vitamin D349	mg
Vitamin D351	mg	Vitamin D351	mg
Vitamin D353	mg	Vitamin D353	mg
Vitamin D355	mg	Vitamin D355	mg
Vitamin D357	mg	Vitamin D357	mg
Vitamin D359	mg	Vitamin D359	mg
Vitamin D361	mg	Vitamin D361	mg
Vitamin D363	mg	Vitamin D363	mg
Vitamin D365	mg	Vitamin D365	mg
Vitamin D367	mg	Vitamin D367	mg
Vitamin D369	mg	Vitamin D369	mg
Vitamin D371	mg	Vitamin D371	mg
Vitamin D373	mg	Vitamin D373	mg
Vitamin D375	mg	Vitamin D375	mg
Vitamin D377	mg	Vitamin D377	mg
Vitamin D379	mg	Vitamin D379	mg
Vitamin D381	mg	Vitamin D381	mg
Vitamin D383	mg	Vitamin D383	mg
Vitamin D385	mg	Vitamin D385	mg
Vitamin D387	mg	Vitamin D387	mg
Vitamin D389	mg	Vitamin D389	mg
Vitamin D391	mg	Vitamin D391	mg
Vitamin D393	mg	Vitamin D393	mg
Vitamin D395	mg	Vitamin D395	mg
Vitamin D397	mg	Vitamin D397	mg
Vitamin D399	mg	Vitamin D399	mg
Vitamin D401	mg	Vitamin D401	mg
Vitamin D403	mg	Vitamin D403	mg
Vitamin D405	mg	Vitamin D405	mg
Vitamin D407	mg	Vitamin D407	mg
Vitamin D409	mg	Vitamin D409	mg
Vitamin D411	mg	Vitamin D411	mg
Vitamin D413	mg	Vitamin D413	mg
Vitamin D415	mg	Vitamin D415	mg
Vitamin D417	mg	Vitamin D417	mg
Vitamin D419	mg	Vitamin D419	mg
Vitamin D421	mg	Vitamin D421	mg
Vitamin D423	mg	Vitamin D423	mg
Vitamin D425	mg	Vitamin D425	mg
Vitamin D427	mg	Vitamin D427	mg
Vitamin D429	mg	Vitamin D429	mg
Vitamin D431	mg	Vitamin D431	mg
Vitamin D433	mg	Vitamin D433	mg
Vitamin D435	mg	Vitamin D435	mg
Vitamin D437	mg	Vitamin D437	mg
Vitamin D439	mg	Vitamin D439	mg
Vitamin D441	mg	Vitamin D441	mg
Vitamin D443	mg	Vitamin D443	mg
Vitamin D445	mg	Vitamin D445	mg
Vitamin D447	mg	Vitamin D447	mg
Vitamin D449	mg	Vitamin D449	mg
Vitamin D451	mg	Vitamin D451	mg
Vitamin D453	mg	Vitamin D453	mg
Vitamin D455	mg	Vitamin D455	mg
Vitamin D457	mg	Vitamin D457	mg
Vitamin D459	mg	Vitamin D459	mg
Vitamin D461	mg	Vitamin D461	mg
Vitamin D463	mg	Vitamin D463	mg
Vitamin D465	mg	Vitamin D465	mg
Vitamin D467	mg	Vitamin D467	mg
Vitamin D469	mg	Vitamin D469	mg
Vitamin D471	mg	Vitamin D471	mg
Vitamin D473	mg	Vitamin D473	mg
Vitamin D475	mg	Vitamin D475	mg
Vitamin D477	mg	Vitamin D477	mg
Vitamin D479	mg	Vitamin D479	mg
Vitamin D481	mg	Vitamin D481	mg
Vitamin D483	mg	Vitamin D483	mg
Vitamin D485	mg	Vitamin D485	mg
Vitamin D487	mg	Vitamin D487	mg
Vitamin D489	mg	Vitamin D489	mg
Vitamin D491	mg	Vitamin D491	mg
Vitamin D493	mg	Vitamin D493	mg
Vitamin D495	mg	Vitamin D495	mg
Vitamin D497	mg	Vitamin D497	mg
Vitamin D499	mg	Vitamin D499	mg
Vitamin D501	mg	Vitamin D501	mg
Vitamin D503	mg	Vitamin D503	mg
Vitamin D505	mg	Vitamin D505	mg
Vitamin D507	mg	Vitamin D507	mg
Vitamin D509	mg	Vitamin D509	mg
Vitamin D511	mg	Vitamin D511	mg
Vitamin D513	mg	Vitamin D513	mg
Vitamin D515	mg	Vitamin D515	mg
Vitamin D517	mg	Vitamin D517	mg
Vitamin D519	mg	Vitamin D519	mg
Vitamin D521	mg	Vitamin D521	mg
Vitamin D523	mg	Vitamin D523	mg
Vitamin D525	mg	Vitamin D525	mg
Vitamin D527	mg	Vitamin D527	mg
Vitamin D529	mg	Vitamin D529	mg
Vitamin D531	mg	Vitamin D531	mg
Vitamin D533	mg	Vitamin D533	mg
Vitamin D535	mg	Vitamin D535	mg
Vitamin D537	mg	Vitamin D537	mg
Vitamin D539	mg	Vitamin D539	mg
Vitamin D541	mg	Vitamin D541	mg
Vitamin D543	mg	Vitamin D543	mg
Vitamin D545	mg	Vitamin D545	mg
Vitamin D547	mg	Vitamin D547	mg
Vitamin D549	mg	Vitamin D549	mg
Vitamin D551	mg	Vitamin D551	mg
Vitamin D553	mg	Vitamin D553	mg
Vitamin D555	mg	Vitamin D555	mg
Vitamin D557	mg	Vitamin D557	mg
Vitamin D559	mg	Vitamin D559	mg
Vitamin D561	mg	Vitamin D561	mg
Vitamin D563	mg	Vitamin D563	mg
Vitamin D565	mg	Vitamin D565	mg
Vitamin D567	mg	Vitamin D567	mg
Vitamin D569	mg	Vitamin D569	mg
Vitamin D571	mg	Vitamin D571	mg
Vitamin D573	mg	Vitamin D573	mg
Vitamin D575	mg	Vitamin D575	mg
Vitamin D577	mg	Vitamin D577	mg
Vitamin D579	mg	Vitamin D579	mg
Vitamin D581	mg	Vitamin D581	mg
Vitamin D583	mg	Vitamin D583	mg
Vitamin D585	mg	Vitamin D585	mg
Vitamin D587	mg	Vitamin D587	mg
Vitamin D589	mg	Vitamin D589	mg
Vitamin D591	mg	Vitamin D591	mg
Vitamin D593	mg	Vitamin D593	mg
Vitamin D595	mg	Vitamin D595	mg
Vitamin D597	mg	Vitamin D597	mg
Vitamin D599	mg	Vitamin D599	mg
Vitamin D601	mg	Vitamin D601	mg
Vitamin D603	mg	Vitamin D603	mg
Vitamin D605	mg	Vitamin D605	mg
Vitamin D607	mg	Vitamin D607	mg
Vitamin D609	mg	Vitamin D609	mg
Vitamin D611	mg	Vitamin D611	mg
Vitamin D613	mg	Vitamin D613	mg
Vitamin D615	mg	Vitamin D615	mg
Vitamin D617	mg	Vitamin D617	mg
Vitamin D619	mg	Vitamin D619	mg
Vitamin D621	mg	Vitamin D621	mg
Vitamin D623	mg	Vitamin D623	mg
Vitamin D625	mg	Vitamin D625	mg
Vitamin D627	mg	Vitamin D627	mg
Vitamin D629	mg	Vitamin D629	mg
Vitamin D631	mg	Vitamin D631	mg
Vitamin D633	mg	Vitamin D633	mg
Vitamin D635	mg	Vitamin D635	mg
Vitamin D637	mg	Vitamin D637	mg
Vitamin D639	mg	Vitamin D639	mg
Vitamin D641	mg	Vitamin D641	mg
Vitamin D643	mg	Vitamin D643	mg
Vitamin D645	mg	Vitamin D645	mg
Vitamin D647	mg	Vitamin D647	mg
Vitamin D649	mg	Vitamin D649	mg
Vitamin D651	mg	Vitamin D651	mg
Vitamin D653	mg	Vitamin D653	mg
Vitamin D655	mg	Vitamin D655	mg
Vitamin D657	mg	Vitamin D657	mg
Vitamin D659	mg	Vitamin D659	mg
Vitamin D661	mg	Vitamin D661	mg
Vitamin D663	mg	Vitamin D663	mg
Vitamin D665	mg	Vitamin D665	mg
Vitamin D667			